

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
(đã được soát xét)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05 - 40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 40

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 15 tháng 07 năm 2016 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100100745.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Văn Tứ	Thành viên
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vũ	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa hợp nhất niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trịnh Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2016

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được lập ngày 14 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Đỗ Mạnh Cường**

Phó Tổng Giám đốc *[Signature]*

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0744-2013-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2016

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of  International

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.967.660.576.148</b>	<b>2.120.773.137.942</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	262.172.359.548	571.111.239.466
111	1. Tiền		85.872.359.548	51.231.239.466
112	4. Các khoản tương đương tiền		176.300.000.000	519.880.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>1.159.436.022.469</b>	<b>961.063.528.403</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	886.114.514.116	665.147.641.752
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	220.344.927.864	253.997.653.530
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		2.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	56.425.492.184	48.508.636.746
137	9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.448.911.695)	(6.590.403.625)
140	IV. Hàng tồn kho	8	<b>503.958.420.868</b>	<b>568.013.972.374</b>
141	1. Hàng tồn kho		509.947.396.722	574.002.948.228
149	6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.988.975.854)	(5.988.975.854)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		<b>42.093.773.263</b>	<b>20.584.397.699</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.297.269.118	2.586.975.773
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		40.701.705.810	17.923.544.728
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	94.798.335	73.877.198
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.601.677.067.938</b>	<b>1.142.704.591.594</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		<b>78.011.746.483</b>	<b>78.524.490.483</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	78.011.746.483	78.524.490.483
220	II. Tài sản cố định		<b>100.698.378.037</b>	<b>96.558.329.235</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	99.590.308.037	95.249.931.344
222	- Nguyên giá		295.125.953.467	278.991.455.279
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(195.535.645.430)	(183.741.523.935)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.108.070.000	1.308.397.891
228	- Nguyên giá		10.913.551.854	10.913.551.854
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.805.481.854)	(9.605.153.963)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	<b>85.658.443.746</b>	<b>87.716.760.734</b>
231	- Nguyên giá		96.348.430.488	96.348.430.488
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.689.986.742)	(8.631.669.754)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.175.438.974.171	706.079.167.172
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.175.438.974.171	706.079.167.172
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	144.317.640.085	154.966.539.744
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		139.495.870.085	150.144.769.744
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.821.770.000	4.821.770.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		17.551.885.416	18.859.304.226
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	14.774.155.785	13.047.296.827
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.a	2.777.729.631	5.812.007.399
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>3.569.337.644.086</u>	<u>3.263.477.729.536</u>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016  
(tiếp theo)

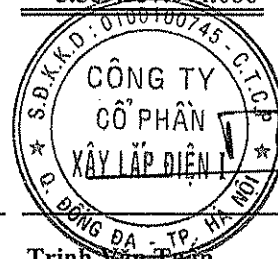
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.002.763.651.829</b>	<b>1.893.092.632.119</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.138.964.652.281</b>	<b>1.287.284.176.241</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	469.240.735.058	440.511.327.916
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	59.206.821.447	384.846.248.004
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	53.297.573.113	93.158.010.135
314	10. Phải trả người lao động		30.786.482.809	66.321.772.637
315	11. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	70.919.620.530	84.271.733.872
318	12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		780.177.499	511.703.547
319	13. Phải trả ngắn hạn khác	19	37.298.445.976	41.997.672.007
320	21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	290.006.010.853	63.061.128.705
321	23. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	96.817.908.623	95.193.280.668
322	26. Quỹ khen thưởng phúc lợi		30.610.876.373	17.411.298.750
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>863.798.999.548</b>	<b>605.808.455.878</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	395.402.021	241.982.921
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	702.744.469.265	461.458.658.203
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.b	7.437.673.680	3.099.893.748
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	20	153.221.454.582	141.007.921.006
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.566.573.992.257</b>	<b>1.370.385.097.417</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.566.573.992.257</b>	<b>1.370.385.097.417</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		637.821.960.000	341.694.850.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		637.821.960.000	341.694.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		105.674.669.318	105.674.669.318
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		13.670.610.497	9.399.424.872
415	4. Cổ phiếu quỹ		(4.320.000)	(4.320.000)
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		432.841.146	432.841.146
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		56.805.667.223	45.303.476.444
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		675.767.829.223	797.851.432.411
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		469.202.447.728	552.382.564.517
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		206.565.381.495	245.468.867.894
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		76.404.734.850	70.032.723.226
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.569.337.644.086</b>	<b>3.263.477.729.536</b>




Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập



Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng



  
Trịnh Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2016



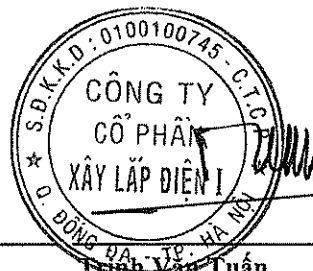
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.572.806.070.704	1.275.546.753.868
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.572.806.070.704	1.275.546.753.868
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.246.936.608.124	1.084.527.120.665
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		325.869.462.580	191.019.633.203
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	6.671.419.473	6.737.907.837
22	7. Chi phí tài chính	26	5.948.552.503	5.846.501.189
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.906.139.898	4.551.186.151
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		(21.688.899.659)	(335.804.761)
25	9. Chi phí bán hàng		17.421.444.257	25.279.326.857
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		54.441.277.422	50.821.853.182
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		233.040.708.212	115.474.055.051
31	12. Thu nhập khác	27	31.852.759.909	7.895.328.817
32	13. Chi phí khác		598.775.177	319.381.550
40	14. Lợi nhuận khác		31.253.984.732	7.575.947.267
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		264.294.692.944	123.050.002.318
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	50.241.544.983	29.502.128.684
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.c	7.372.057.700	(2.086.831.461)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>206.681.090.261</u>	<u>95.634.705.095</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		206.565.381.495	93.922.602.490
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		115.708.766	1.712.102.605
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	3.239	1.748

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*



Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập

Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2016

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		264.294.692.944	123.050.002.318
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.427.110.122	11.975.550.518
03	- Các khoản dự phòng		12.696.669.601	42.465.224.226
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(755.268)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		14.897.828.887	(5.409.803.106)
06	- Chi phí lãi vay		5.906.139.898	4.551.186.151
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		312.222.441.452	176.631.404.839
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(260.843.549.104)	(283.442.969.576)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		64.055.551.506	(127.505.602.935)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(430.856.182.592)	147.169.686.568
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(437.152.303)	2.850.453.193
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.874.899.508)	(4.866.514.503)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(53.925.192.381)	(54.883.588.770)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		100.962.960	3.485.587.283
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.024.341.166)	(1.621.506.886)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(379.582.361.136)	(142.183.050.787)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(395.749.093.435)	(202.605.674.882)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		150.000.000	111.187.493
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.700.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		700.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(11.040.000.000)	(29.912.746.079)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	330.664.077
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.657.104.105	5.585.799.348
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(403.981.989.330)	(226.490.770.043)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		6.435.000.000	21.363.000.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(261.617.000)
33	3. Tiền thu từ đi vay		625.108.323.051	485.970.318.430
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(156.877.629.841)	(297.285.745.480)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(40.222.662)	(328.920.169)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>474.625.470.548</b>	<b>209.457.035.781</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(308.938.879.918)</b>	<b>(159.216.785.049)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>571.111.239.466</b>	<b>414.907.865.578</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	755.268
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	3	<b>262.172.359.548</b>	<b>255.691.835.797</b>

*UWZ*

*Thhe*



Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập

Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2016